

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 31/3/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-50mm, có nơi trên 50mm như: Bắc Hà (Lào Cai) 59.7mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 64%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế tương đương so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 55%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 26%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ thấp hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 63%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế xấp xỉ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 15%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 17%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy

tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 396%.
+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 56%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 362%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-100mm, có nơi trên 100 như Nam Đông (Huế) 103.5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 27%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 5%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 51%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 60%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 605%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 37%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 7%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 67%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn

khoảng 35%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 434%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-50mm, có nơi trên 70 như Sơn Hoà (Phú Yên) 77.8mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động và tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 211% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 218%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 47%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 4%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 93%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 95% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 61%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 172%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 170%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 7% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 50%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 0-30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên 2 lưu vực đều phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 46%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN 27%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 0-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và thấp hơn so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 42%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 37%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 17%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/04/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/03/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	13.2	<35	7.3	0.8	0.1	1.1	0	0.1	4	1.1	0.4	0.2	15.1	<50
	Sơn La	1.7	<87	3.9	0.7	0.6	2.5	0	0	4.7	2.7	0.1	0	15.2	<7
	Hòa Bình	0.7	<91	0.4	0.1	0.1	0	0.1	0.1	3.2	5.6	0.9	0.9	11.4	<7
	Lào Cai	22.6	>9	5	1.2	0.2	1.4	0	0.1	2.8	2.4	0.7	0.8	14.6	<36
	Yên Bái	1.8	<90	2.2	0.4	0.2	0.3	0.3	0.3	2.5	9.4	3.5	0.5	19.6	<11
	Tuyên Quang	0.9	<94	2.1	0.6	0.1	0.2	0.1	0.4	7.4	9.6	6.9	1.8	29.2	>50
	Hà Giang	8.5	<58	3	2.4	0.7	0.4	0	0.4	2.2	8	1.8	4.4	23.3	<8
	Láng	0	<100	0.3	0.2	0.1	0.1	0.3	0.4	6	9.8	1.1	0.9	19.2	>10
	Thái Bình	2.2	<78	0.1	0.1	0	0.1	0.6	0.5	3.6	7.2	0.4	0.2	12.8	<19
	Nam Định	0.4	<97	0.1	0.1	0.3	0.2	0.4	0.3	4.1	4.3	0.3	0.6	10.7	<38
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	0.6	<96	2.1	0.6	0.1	0.2	0.1	0.4	7.4	9.6	6.9	1.8	29.2	>28
	Thái Nguyên	0.8	<96	0.7	0.2	0.2	0.1	0.3	0.2	6.5	7.6	2.1	0.7	18.6	<17
	Bắc Ninh	4.2	<72	0.3	0.2	0.1	0.1	0.3	0.4	6	9.8	1.1	0.9	19.2	>65
	Lạng Sơn	0	<100	0	0	0	0	0	0	5.9	3.2	2.4	2.2	13.7	<34
	Bắc Giang	0.5	<97	0.7	0.2	0.2	0.1	0.3	0.2	6.5	7.6	2.1	0.7	18.6	<3
	Hải Dương	0	<100	0.1	0	0	0	0.1	0	4.9	9	1.1	0.6	15.8	<2
Lưu vực sông thuộc	Hồi Xuân	6.6	<45	13	0.2	0.3	0.4	0.7	1.5	1.2	2.9	0	0.7	20.9	>45
	Bái Thượng	11.5	<0	0.2	0.1	0.4	0.3	0.9	0.6	1.4	3.1	0.5	6.5	14	<30
	Thanh Hóa	0.3	<97	0.2	0.1	0.4	0.3	0.9	0.6	1.4	3.1	0.5	6.5	14	>43
	Quý Châu	1.1	<85	1.2	0	0.9	1.8	0.4	2.3	6	3.3	0.1	0.3	16.3	>47

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ 22 đến ngày 31/03/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/03 đến 21/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	31/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	29	<74	4.5	4.4	4.4	4.3	4.2	4.2	4.1	4	4	3.9	42	<77
Lô	Tuyên Quang	51.82	<64	9.5	10.37	10.8	9.94	9.5	10.4	9.07	9.94	9.5	8.64	97.63	<63
Đà	Hồ Hòa Bình	577.09	>55	65.66	73.44	74.3	74.3	73.44	76.0	73.44	72.58	70.85	69.12	723.17	>15
Hồng	Hà Nội	663	>26	88.13	78.97	74.43	97.37	102.04	102.0	106.7	106.7	111.37	111.37	979.13	>17
Cầu	Gia Bảy	67.13	>396	10.37	9.94	9.5	9.94	9.68	9.5	9.33	9.16	9.07	8.81	95.3	>362
Lục Nam	Chũ	1.21	<56	0.26	0.22	0.22	0.21	0.2	0.2	0.18	0.17	0.17	0.17	2	<48
Mã	Cầm Thủy	105.4	> 27%	16.93	16.18	15.88	15.72	15.42	14.8	14.52	14.36	13.91	13.46	151.2	> 37%
Cả	Yên Thượng	135.5	> 5%	21.29	20.34	19.96	19.77	19.39	18.6	18.25	18.06	17.49	16.92	190.08	> 7%
La	Hòa Duyệt	40.2	> 51%	6	5.73	5.62	5.57	5.46	5.3	5.14	5.09	4.93	4.77	53.568	> 35%
Tả Trách	Thượng Nhật	17.1	> 605	2.2	2.3	2.1	2.4	2.4	2.3	2.4	2.2	2.3	2.3	22.9	> 434
Thu Bồn	Nông Sơn	197.8	> 211	28.5	25.9	28.5	25.5	24.2	28.5	26.4	27.6	25.1	27.6	267.8	> 172
Trà Khúc	Sơn Giang	125.2	> 218	18.7	17	17.3	15.6	17.3	16.5	16.4	16	17.3	18.1	170.2	> 170
Ba	Cung Sơn	29.03	<4	3.89	4.32	4.75	4.15	3.89	3.6	3.46	3.28	3.72	3.37	38.46	<7
Cái N,T	Đồng Trăng	27.82	>93	3.02	2.94	2.85	3.02	2.76	3.1	3.02	2.94	2.76	2.85	29.27	>50

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/03 đến 21/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				22/03	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	31/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
ĐăkBlá	KonTum	10.31	< 46	1	1.31	1.28	1.39	1.53	1.6	1.45	1.83	1.98	2.13	15.8	< 42
Srêpôk	Giang Son	14.76	> 27	1.84	1.78	1.76	1.73	1.64	1.7	1.56	1.5	1.47	1.56	16.5	~ TBNN
Tiền	Tân Châu			386	381	374	366	355	347.0	336	326	318	310	3499	>37
Hậu	Châu Đốc			50	49	48	48	47	46.0	45	44	43	42	459	>17